

Số: 05/QĐ-BQL

Khánh Hòa, ngày 07 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2026 của Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ Quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị công lập, xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 70/2024/TT-BTC ngày 01/10/2024 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động tư vấn, quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3321/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 26/09/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Đề án tự chủ của Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sáp nhập Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng Nha Trang, Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng Ninh Hòa, Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng huyện Vạn Ninh vào Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa và kiện toàn tổ chức; Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi một số điều của Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa; Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 29/10/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1711/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 2689/QĐ-UBND ngày 25/12/2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 341/QĐ-BQL ngày 01/08/2025 của Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-BQL ngày 12/12/2025 của Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa về việc rà soát chức năng, nhiệm vụ các phòng chuyên môn và phân công nhiệm vụ viên chức, người lao động của Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Nghị quyết hội nghị viên chức và người lao động số 687/NQ-BQL ngày 31/12/2025 của Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa;

Căn cứ Công văn số 1660/BTC-ĐT ngày 15/02/2024 của Bộ Tài chính về việc tăng cường công tác quyết toán vốn đầu tư công DAHT, quản lý vốn đầu tư công các CTMTQG, chi phí QLDA;

Căn cứ Công văn số 887/STC-TCĐT ngày 01/3/2024 của Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt dự toán chi phí Ban quản lý dự án chuyên ngành, khu vực;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Duyệt dự toán thu, chi của Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh Khánh Hòa năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó		Ghi chú
			Dự án được giao quản lý	Thu hợp pháp khác của đơn vị	
1	2	3=4+5	4	5	6
A	PHẦN THU				
I	Tổng thu	25.962.560.493	25.962.560.493	0	
1	Nguồn thu năm trước chuyển sang	14.320.205.329	14.320.205.329	0	
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	6.067.920.468	6.067.920.468	0	

3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)	0	0	0	
4	Nguồn thu từ dịch vụ tư vấn	5.574.434.696	5.574.434.696	0	
5	Nguồn thu hợp pháp khác	0	0	0	
6	Nguồn NSNN hỗ trợ (nếu có)	0	0	0	
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	0	0	0	
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III)=(I)-(II)+(d)	17.430.307.344	17.430.307.344	0	
1	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ (nếu có) (a)	0	0	0	
2	Nguồn thu sử dụng trong năm dành cho chi thường xuyên (c)	17.430.307.344	17.430.307.344	0	
3	Nguồn NSNN cấp cho chi không thường xuyên (nếu có) (b)	0	0	0	
4	Nguồn thu sử dụng trong năm dành cho chi không thường xuyên (nếu có) (d)	0	0	0	
B	PHẦN CHI (DỰ TOÁN CHI)			0	
I	Chi thường xuyên giao tự chủ <= (c)	17.430.307.344	17.430.307.344	0	
1	Tiền lương	10.814.263.205	10.814.263.205	0	
2	Các khoản phụ cấp lương	7.600.000	7.600.000	0	
3	Các khoản trích nộp theo lương	2.543.444.139	2.543.444.139	0	
4	Khen thưởng	170.000.000	170.000.000	0	
5	Phúc lợi	760.000.000	760.000.000	0	
6	Thanh toán dịch vụ công cộng	350.000.000	350.000.000	0	
7	Mua vật tư văn phòng	300.000.000	300.000.000	0	
8	Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc	160.000.000	160.000.000	0	
9	Hội nghị	15.000.000	15.000.000	0	
10	Thanh toán công tác phí	405.000.000	405.000.000	0	
11	Thuê mướn	120.000.000	120.000.000	0	
12	Đoàn đi công tác nước ngoài	-	-	0	
13	Đoàn vào	-	-	0	
14	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	200.000.000	200.000.000	0	

15	Mua sắm tài sản phục vụ quản lý			0	
16	Chi phí khác	565.000.000	565.000.000	0	
17	Dự phòng	1.020.000.000	1.020.000.000	0	
II	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ (nếu có) = (a)	0	0	0	
III	Chi không thường xuyên	0	0	0	
1	Chi không thường xuyên từ nguồn NSNN cấp = (b)	0	0	0	
1.1	Đầu tư xây dựng cơ bản	0	0	0	
1.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	0	0	0	
1.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	0	0	0	
1.4	Thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)	0	0	0	
1.5	Khác	0	0	0	
2	Chi không thường xuyên từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp = (d)	0	0	0	
2.1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	0	0	0	
2.2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	0	0	0	
2.3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	0	0	0	
2.4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)	0	0	0	
III	Phân phối kết quả tài chính trong năm	8.532.253.150	8.532.253.150	0	

Điều 2. Trưởng phòng: Quản lý dự án (1, 2, 3, khu vực Nha Trang, khu vực Ninh Hòa, khu vực Vạn Ninh), Hành chính Tổng hợp, Tài chính Kế toán; viên chức và người lao động trong cơ quan và các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa;
- KBNN Khu vực XIV;
- Lưu: VT, TCKT (Hạnh).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Hiền